

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HS-PT

Ngày: 14-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng**.

Các Thẩm phán: 1. Bà **Hoàng Thị Thơ**.

2. Ông **Huỳnh Văn Ngoan**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Công Danh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Phương Thảo** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 28/2020/TLPT-HS ngày 18 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Trần Đăng P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo: **Trần Đăng P** (tên gọi khác: H), sinh ngày 22/11/1994 tại Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn D và bà Trần Thị Kim L; Có vợ là Nguyễn Thị Ngọc S và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 22/01/2013, thay đổi biện pháp ngăn chặn ngày 13/9/2013. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Nguyễn Minh Trường S2**, Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Minh H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án có 03 bị cáo khác, 01 bị hại, 08 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 16/6/2012, Nguyễn Thái P2, sinh ngày 09/01/1996 cùng với Lương Thanh N, sinh năm 1988; Phan Huỳnh K, sinh năm 1996; Võ

Thị Hận H2, sinh năm 1997; Phạm Lý T, sinh năm 1994; Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1995; Trần Đăng P, sinh năm 1994; Nguyễn Thanh P3, sinh năm 1991; Thái Thanh H3, sinh năm 1992; Nguyễn Quang H4, sinh năm 1993; K2 và T3 (không rõ họ) ở xã L, huyện C; T4, N1 và C (không rõ họ và địa chỉ) tổ chức uống rượu tại công viên cạnh cầu C. Đến khoảng 00 giờ ngày 17/6/2012, P2 mượn xe mô tô không rõ biển số chở H2 và K về nhà H2 ở xã P. Khi P2 điều khiển xe mô tô trên Tỉnh lộ 868 chở H2 và K đến ấp C, xã P, thị xã C thì có Lê Thanh N3, sinh năm 1994, thường trú Ấp H, xã T, thị xã C điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Cao N2, sinh năm 1996, thường trú Ấp H, xã T lưu thông cùng chiều vượt qua xe của P2 một đoạn dừng lại nhặt 02 viên gạch ông rồi tiếp tục điều khiển xe đi; trên đường đi N2 ném 02 cục gạch vào nhà của người dân. Lúc này, P2 cho rằng N2 nhặt lấy 02 cục gạch để chặn đánh mình nên dừng xe lại và kêu H2 điện thoại cho N kêu nhóm đi vào để cùng P2 đưa H2 về nhà. Sau khi nghe điện thoại, N rủ T, T2, Đăng P, Thanh P3, K2, Thanh H3, Quang H4, T4, N1 và C cùng vào xã P để hỗ trợ cho P2 đưa H2 về. Khi đi, tất cả vào tiệm sửa xe của N ở Khu M, thị trấn C, huyện C (nay là Khu phố M, Phường M, thị xã C) để lấy hung khí phòng thân. N đưa cho T 01 thanh inox, Thanh P3 01 tuýp sắt, T2 01 tuýp sắt. Khi cả nhóm đi đến gần khu vực chợ P thuộc ấp K, xã P thì gặp P2. Ngay lúc này P2 nhìn thấy N2 điều khiển xe chở N3 chạy hướng ngược lại nên P2 la lên nói “tụi nó kia, đuổi theo đánh nó”, Trần Đăng P nghe liền điều khiển xe chở Nguyễn Thanh P3 đuổi theo chặn xe N2 và N3 lại thì Thanh P3 dùng tuýp sắt đánh vào người N3 01 cái, N3 bỏ chạy, Thanh P3 tiếp tục dùng tuýp sắt đánh vào lưng N2. Thấy vậy P2, T, T2, K2, T3 cùng chạy đến; P2, K2, T3 dùng tay và chân, T dùng 01 thanh inox, T2 dùng tuýp sắt đánh N2 gây thương tích.

Trong lúc đánh, P2 nghe nói N và T4 bị ngã xe do va chạm với xe của Thanh H3 và C, thấy N2 cũng bị đánh nhiều nên P2 can ngăn cả nhóm không cho đánh N2 nữa và kêu nhóm quay lại nơi N té xe để xem thế nào. Khi đến nơi T thấy N bị thương nhẹ nên T2 rủ T quay lại tiếp tục đánh N2, T đồng ý nên T2 dùng xe mô tô chở T tìm N2 để đánh tiếp; khi đi khoảng 100 mét thì gặp N2 nên T2 và T dùng tuýp sắt đánh N2 dẫn đến N2 bị gãy xương bàn ngón IV tay trái.

Theo Giấy chứng nhận thương tích số 358/CN ngày 22/6/2012 của Bệnh viện Đa khoa Khu vực C chứng nhận Nguyễn Cao N2 có những thương tích sau:

- Bầm cạnh dưới hốc mắt phải, nhiều vết bầm, xây xát vùng má phải và sống mũi diện tích # 02x02cm.
- Vết xây xát vai phải # 07cm.
- 03 vết xây xát vùng sau cánh tay trái diện tích # 03x03cm. Gãy xương bàn ngón IV tay trái.
- Nhiều vết bầm và xây xát rải rác khắp lưng và 02 mông.
- 02 vết thương nông vùng cẳng chân phải # 08cm. Sưng đau cổ chân trái.

Theo Giấy chứng nhận thương tích số 358/CN ngày 25/7/2012 của Bệnh viện Đa khoa Khu vực C chứng nhận Nguyễn Cao N2 có những thương tích sau:

- Bầm cạnh dưới hốc mắt phải, nhiều vết bầm, xây xát vùng má phải và sống mũi diện tích # 02x02cm.

- Vết xây xát vai phải # 07cm.

- 03 vết xây xát vùng sau cánh tay trái diện tích # 03x03cm. Gãy xương bàn ngón III, IV tay trái.

- Nhiều vết bầm và xây xát rải rác khắp lưng và 02 mông.

- 02 vết thương nông vùng cẳng chân phải # 08cm. Sưng đau cổ chân trái.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 327-2012/TT-TTPY.TG ngày 31/7/2012 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận Nguyễn Cao N2 có những thương tích sau:

- Bầm cạnh dưới hốc mắt phải, nhiều vết bầm và xây xát vùng má phải và sống mũi, hiện đã hết. Tỷ lệ 01%.

- Sẹo vết xây xát vai phải, sưng đau cổ chân trái, hiện đã hết. Tỷ lệ 02%.

- 03 vết xây xát vùng sau cánh tay trái, sẹo mờ. Tỷ lệ 02%.

- Sẹo vết thương nông vùng cẳng chân phải, sẹo lồi, sẹo xấu. Tỷ lệ 03%.

- Nhiều vết sẹo xây xát rải rác khắp lưng và 02 mông. Tỷ lệ 04%.

- Gãy xương bàn ngón III, IV tay trái. Tỷ lệ 10%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 22%.

Theo Bản kết luận giám định lại pháp y về thương tích số 217-2013/TT-TTPY.TG ngày 23/7/2013 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận Nguyễn Cao N2 có những thương tích sau:

- Bầm cạnh dưới hốc mắt phải, vết bầm và xây xát vùng má phải và sống mũi, sưng đau cổ chân trái. Hiện đã hết.

- Sẹo mờ do xây xát da vai phải, kt (3.5x0.1)cm. Tỷ lệ 01%.

- Sẹo mờ do xây xát 1/3 trên sau cánh tay phải, kt (2.5x0.2)cm. Tỷ lệ 01%.

- Ba sẹo mờ do xây xát vùng sau cánh tay trái, kt (3x0.2)cm, (2x1)cm, (2x0.1)cm. Tỷ lệ 02%.

- Sẹo vết thương mặt ngoài 1/3 dưới cẳng chân phải, kt (2x0.4)cm. Tỷ lệ 02%.

- Sẹo mờ xây xát vùng thắt lưng phải, kt (6.5x0.2)cm. Tỷ lệ 02%.

- Gãy xương bàn ngón III, IV tay trái. Tỷ lệ 10%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 18%.

Theo Công văn số 49/TTPY ngày 15/8/2013 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tiền Giang về việc giải thích kết luận giám định Nguyễn Cao N2: Kết quả giám

định ngày 31/7/2012 tỷ lệ thương tật tạm thời là 22% và kết quả giám định ngày 23/7/2013 tỷ lệ thương tật tạm thời là 18%. Nguyên nhân tỷ lệ thương tật lần giám định ngày 23/7/2013 giảm là do hai lần giám định cách nhau thời gian dài thì thương tích sẽ giảm nên tỷ lệ cũng giảm. Kết luận tỷ lệ thương tật tạm thời giám định ngày 31/7/2012 là 22% đúng theo quy định, không sai sót (bút lục: 349).

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích lần II số 77/19/TgT ngày 20/5/2019 của Viện Pháp y Quốc gia – Phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận Nguyễn Cao N2 có những thương tích sau:

- Vùng mặt, vùng lưng và tay, chân hiện không còn dấu vết tổn thương.
- Gãy xương bàn ngón IV tay trái đã can xương, không ảnh hưởng chức năng bàn tay.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 08%.

Tại thời điểm giám định, Nguyễn Cao N2 bị gãy xương bàn ngón IV bàn tay trái. Do không có phim X-quang chụp vào ngày 17/6/2012, lúc nhập viện và trước khi bó bột nên không đủ cơ sở để xác định có gãy xương bàn ngón III bàn tay trái hay không.

Thương tích gãy xương bàn ngón IV tay trái của nạn nhân Nguyễn Cao N2 là do vật tày tác động gây nên.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, chị Trần Thị S3 (mẹ của Nguyễn Thái P2) đã bồi thường số tiền 10.550.000 đồng, ông Trần Văn D (cha của Trần Đăng P) đã bồi thường số tiền 10.550.000 đồng, ông Nguyễn Văn N4 (cha của Nguyễn Thanh P3) đã bồi thường số tiền 9.632.000 đồng, ông Phạm Văn M (cha của Phạm Lý T) đã bồi thường số tiền 9.632.000 đồng, Nguyễn Quốc T2 đã bồi thường số tiền 6.000.000 đồng. Anh N2 đã có Đơn bãi nại và rút Đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thái P2 (D1), Phạm Lý T (B), Nguyễn Quốc T2 (C1) và Trần Đăng P (H) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái P2 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 22 tháng 01 năm 2013 đến ngày 13 tháng 9 năm 2013.

- Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về

việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14. Xử phạt bị cáo Phạm Lý T 01 năm 03 tháng tù. Tổng hợp với với hình phạt 12 năm tù của Bản án số 114/2016/HSPT ngày 15/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 13 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam của Bản án số 114/2016/HSPT ngày 15/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang là ngày 23 tháng 8 năm 2015 nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 22 tháng 01 năm 2013 đến ngày 13 tháng 9 năm 2013.

- Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T2 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 22 tháng 01 năm 2013 đến ngày 13 tháng 9 năm 2013.

- Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14. Xử phạt bị cáo Trần Đăng P 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 22 tháng 01 năm 2013 đến ngày 13 tháng 9 năm 2013.

* Ngoài ra bản án còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, phân xử lý vật chứng, phân án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 20/01/2020 bị cáo Trần Đăng P có đơn kháng cáo với nội dung: xin được giảm nhẹ hình phạt, xử phạt với mức án bằng với thời hạn tạm giam trước đây là 07 tháng 22 ngày.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo P và người bào chữa cho bị cáo cho rằng mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là nghiêm khắc, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ, kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, hiện bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại nên xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” là

có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt. Trong giai đoạn kháng cáo, bị cáo có bổ sung các đơn xác nhận nhưng tình tiết này không làm thay đổi bản chất vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đăng P khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với bản cáo trạng và bản án sơ thẩm nêu, cụ thể:

Nhận được tin báo là các bị hại sẽ đánh đồng bọn của mình nên vào khoảng 00 giờ ngày 17/6/2012 bị cáo cùng N, T, T2, Thanh P3, K2, Thanh H3, Quang H4, T4, N1, T3 và C vào xã P để hỗ trợ cho P2 đưa H2 về. Khi đi, cả nhóm chuẩn bị hung khí gồm T 01 thanh inox, Thanh P3 01 tuýp sắt, T2 01 tuýp sắt. Cả nhóm đi đến gần khu vực chợ P thuộc ấp K, xã P thì gặp các bị hại. Cả bọn chặn xe và Thanh P3 dùng tuýp sắt đánh vào người N3 01 cái, N3 bỏ chạy; Thanh P3 tiếp tục dùng tuýp sắt đánh vào lưng N2. Thấy vậy P2, T, T2, K2, T3 cùng chạy đến; P2, K2, T3 dùng tay và chân, T dùng 01 thanh inox, T2 dùng tuýp sắt đánh N2 gây thương tích.

Trong lúc đánh, P2 nghe nói N và T4 bị ngã xe do va chạm với xe của Thanh H3 và C, thấy N2 cũng bị đánh nhiều nên P2 can ngăn cả nhóm không cho đánh N2 nữa và kêu nhóm quay lại nơi N té xe để xem thế nào. Khi đến nơi T thấy N bị thương nhẹ nên T2 rủ T quay lại tiếp tục đánh N2, T đồng ý nên T2 dùng xe mô tô chở T tìm N2 để đánh tiếp; khi đi khoảng 100 mét thì gặp N2 nên T2 và T dùng tuýp sắt đánh N2 dẫn đến N2 bị gãy xương bàn ngón IV tay trái.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 327-2012/TT-TTPY.TG ngày 31/7/2012 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận Nguyễn Cao N2 có những thương tích sau:

- Bầm cạnh dưới hốc mắt phải, nhiều vết bầm và xây xát vùng má phải và sống mũi, hiện đã hết. Tỷ lệ 01%.
 - Sẹo vết xây xát vai phải, sưng đau cổ chân trái, hiện đã hết. Tỷ lệ 02%.
 - 03 vết xây xát vùng sau cánh tay trái, sẹo mờ. Tỷ lệ 02%.
 - Sẹo vết thương nông vùng cẳng chân phải, sẹo lồi, sẹo xấu. Tỷ lệ 03%.
 - Nhiều vết sẹo xây xát rải khắp lưng và 02 mông. Tỷ lệ 04%.
 - Gãy xương bàn ngón III, IV tay trái. Tỷ lệ 10%.
- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 22%.

Theo Bản kết luận giám định lại pháp y về thương tích số 217-2013/TT-TTPY.TG ngày 23/7/2013 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận Nguyễn Cao N2 có tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 18%.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và kết án bị cáo P và đồng bọn về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có cơ sở đúng pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ giữa bị cáo, đồng bọn và bị hại không hề có mâu thuẫn; bị cáo ý thức được sức khỏe, tính mạng của con người là vô giá thể nhưng bị cáo không tìm hiểu rõ có mâu thuẫn, sự việc thế nào mà nghe theo lời đồng bọn, giúp sức tích cực để đồng bọn dùng ống tuýp sắt là hung khí nguy hiểm, được chuẩn bị sẵn đánh bị hại gây thương tật cho nạn nhân với tỉ lệ tương tật tổng cộng lên đến 22%. Với tính chất, mức độ nguy hiểm trên việc áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc là cần thiết để răn đe, trừng trị và phòng ngừa chung.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm đối với xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và xử phạt bị cáo với mức án nêu trên là cần thiết để răn đe và phù hợp pháp luật. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng là có lợi cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xét giảm thêm.

Từ những phân tích trên, xét ý kiến và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ được xem xét.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Đăng P;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thái P2 (D1), Phạm Lý T (B), Nguyễn Quốc T2 (C1) và **Trần Đăng P (H)** phạm tội “**Cố ý gây thương tích**”.

- Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản

1 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

Xử phạt bị cáo Trần Đăng P **01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 22 tháng 01 năm 2013 đến ngày 13 tháng 9 năm 2013.

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND thị xã C;
- VKSND thị xã C;
- Công an thị xã C;
- THADS thị xã C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng